

VĂN HỌC NAM BỘ NHƯ MỘT DIỄN NGÔN CHÍNH TRỊ MỀM TRONG KIẾN TẠO BẢN SẮC VÙNG

Lâm Thị Thiên Lan, Võ Phú Hữu
Đại học Cần Thơ
Email: lttlan@ctu.edu.vn

Tóm tắt: Bài viết tiếp cận văn học Nam Bộ từ góc nhìn liên ngành giữa văn học, văn hóa học và khoa học chính trị, nhằm luận giải vai trò của văn học như một diễn ngôn chính trị mềm trong quá trình kiến tạo bản sắc vùng. Luận điểm trung tâm của bài viết là văn học Nam Bộ không chỉ phản ánh đời sống phương Nam như một không gian địa lý - lịch sử đặc thù, mà còn tham gia tích cực vào việc hình thành ý thức cộng đồng, hợp thức hóa những giá trị vùng, và chuyển tải một kiểu "chính trị mềm" thông qua biểu tượng, ngôn ngữ, ký ức và các hình tượng nhân vật. Trong nghĩa này, văn học Nam Bộ vừa là ký ức thẩm mỹ của quá trình mở đất, cộng cư, thích nghi và kháng cự, vừa là không gian diễn giải nơi tinh thần hào sảng, nghĩa tình, thực tiễn, linh hoạt và bao dung của cư dân Nam Bộ được kể lại, thẩm mỹ hóa và chuẩn hóa thành bản sắc vùng. Bài viết cho rằng sức mạnh chính trị của văn học ở đây không vận hành theo cơ chế mệnh lệnh hay tuyên truyền trực tiếp, mà theo logic mềm của sự đồng cảm, của biểu tượng hóa, của tính chính đáng văn hóa và của quá trình tạo lập căn tính tập thể. Từ việc khảo sát các lớp diễn ngôn lớn trong văn học Nam Bộ, từ văn học dân gian, văn xuôi quốc ngữ Nam Bộ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đến một số tác giả tiêu biểu của văn học hiện đại, bài viết làm rõ ba phương diện chính: văn học Nam Bộ như diễn ngôn của mở cõi và hợp thức hóa không gian; văn học Nam Bộ như diễn ngôn cộng đồng và đạo lý phương Nam; và văn học Nam Bộ như diễn ngôn ký ức, bản lĩnh và tính chủ thể vùng trong hiện đại hóa. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất đọc lại văn học Nam Bộ không chỉ như di sản thẩm mỹ mà còn như một nguồn lực mềm trong giáo dục bản sắc, phát triển văn hóa và củng cố tinh thần đa dạng thống nhất của văn hóa Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: văn học Nam Bộ, diễn ngôn chính trị mềm, bản sắc vùng, văn hóa vùng, Nam Bộ, ký ức văn hóa.

SOUTHERN VIETNAMESE LITERATURE AS A SOFT POLITICAL DISCOURSE IN CONSTRUCTING REGIONAL IDENTITY

Abstract: This article approaches Southern Vietnamese literature from an interdisciplinary perspective integrating literary studies, cultural studies, and political science, with the aim of examining its role as a form of soft political discourse in the construction of regional identity. The central argument posits that Southern Vietnamese literature not only reflects the socio-cultural life of the South as a distinctive geo-historical space but also actively contributes to shaping collective consciousness, legitimizing regional values, and conveying a form of "soft politics" through symbols, language, memory, and literary characters.

In this sense, Southern Vietnamese literature functions both as an aesthetic memory of processes such as territorial expansion, cohabitation, adaptation, and resistance, and as an interpretive space in which the Southern ethos—characterized by generosity, solidarity, pragmatism, flexibility, and inclusiveness—is narrated, aestheticized, and standardized into a recognizable regional identity. The article argues that the political power of literature in this context does not operate through command or direct propaganda, but through the soft logic of empathy, symbolic representation, cultural legitimacy, and the formation of collective identity. By examining major discursive layers in Southern Vietnamese literature—from folklore and early modern quốc ngữ prose of the late nineteenth and early twentieth centuries to selected modern literary authors—the study identifies three key dimensions: (1) literature as a discourse of territorial expansion and spatial legitimation; (2) literature as a discourse of community and Southern moral values; and (3) literature as a discourse of memory, resilience, and regional subjectivity in the context of modernization. Based on these analyses, the article proposes a re-reading of Southern Vietnamese literature not merely as an aesthetic heritage but also as a source of soft power in identity education, cultural development, and the reinforcement of unity in diversity within contemporary Vietnamese culture.

Keywords: Southern Vietnamese literature; soft political discourse; regional identity; regional culture; Southern Vietnam; cultural memory.

Nhận bài: 26/02/2026

Phản biện: 21/03/2026

Duyệt đăng: 25/03/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Văn học trong đời sống tinh thần cộng đồng không chỉ là nghệ thuật ngôn từ mà còn là một hình thức kiến tạo thực tại biểu tượng, nơi cộng đồng nhận ra mình, kể lại mình, tranh luận về mình và hợp thức hóa các giá trị nền tảng. Vì vậy, khi tiếp cận văn học từ góc nhìn liên ngành, đặc biệt trong mối quan hệ giữa văn hóa và chính trị, có thể thấy nhiều hiện tượng văn học không chỉ phản ánh xã hội mà còn tham gia tổ chức cảm thức xã hội, định hình bản sắc và tạo lập đồng

thuận mềm. Nói cách khác, văn học có thể vận hành như một diễn ngôn chính trị mềm, không trực tiếp ra mệnh lệnh hay cưỡng chế, nhưng có khả năng tác động bền sâu đến cách cộng đồng hiểu về chính mình.

Trong trường hợp Nam Bộ, vấn đề này càng nổi bật bởi đây là một vùng văn hóa đặc thù trong sự thống nhất của văn hóa Việt Nam. Quá trình mở đất, cộng cư đa tộc người, không gian sông nước, giao thương mạnh và kinh nghiệm lịch sử

riêng đã tạo nên một vùng văn hóa giàu sắc thái. Văn học Nam Bộ, từ dân gian đến hiện đại, là nơi những sắc thái ấy được kết tinh, lưu giữ và lan tỏa. Trong bối cảnh các văn kiện gần đây tiếp tục khẳng định vai trò của văn hóa như sức mạnh nội sinh, sức mạnh mềm và trụ cột phát triển, việc đọc lại văn học Nam Bộ như một diễn ngôn chính trị mềm có ý nghĩa cả về học thuật lẫn thực tiễn.

Điểm mới của bài viết là xem văn học Nam Bộ chỉ như tấm gương phản ánh hiện thực và một thiết chế biểu tượng mềm của vùng. Từ đó, bài viết tập trung vào ba nhiệm vụ: làm rõ cơ sở lý luận của cách tiếp cận này, phân tích các lớp diễn ngôn chính trong quá trình kiến tạo bản sắc vùng và gợi mở ý nghĩa hiện thời của việc đọc lại văn học Nam Bộ trong giáo dục, văn hóa và phát triển vùng.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Văn học như một diễn ngôn chính trị mềm: cơ sở lý luận cho việc đọc văn học Nam Bộ

Khái niệm “diễn ngôn chính trị mềm” trong bài viết này được hiểu theo nghĩa rộng, không đồng nhất với diễn ngôn quyền lực theo mô hình tuyên truyền trực tiếp, mà chỉ những hình thức biểu đạt có khả năng định hình nhận thức cộng đồng, tạo lập cảm thức chính đáng, xây dựng ký ức tập thể và hướng dẫn cách hiểu về cộng đồng mà không cần tới mệnh lệnh cưỡng chế. Chính trị mềm vì thế vận hành bằng biểu tượng, bằng giá trị, bằng khả năng gây đồng cảm, bằng uy tín văn hóa và bằng sức bền của trí nhớ xã hội.

Trong logic đó, văn học là một loại diễn ngôn có sức mạnh đặc biệt. Văn học không chỉ nói về thế giới, mà còn sản xuất thế giới biểu tượng để con người trú ngụ trong đó. Một vùng đất khi đi vào văn học sẽ không còn chỉ là địa danh, mà trở thành không gian ký ức. Một kiểu người khi đi vào văn học sẽ không còn chỉ là cư dân sinh học, mà trở thành hình tượng văn hóa. Một tập hợp phong tục khi đi vào văn học sẽ không còn chỉ là thói quen xã hội, mà trở thành đạo lý. Chính ở quá trình chuyển hóa ấy, văn học tham gia vào việc kiến tạo căn tính cộng đồng.

Với Nam Bộ, điều này đặc biệt rõ. Từ góc nhìn lịch sử văn học, truyện ngắn quốc ngữ ở Nam Bộ xuất hiện từ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX như một hiện tượng có ý nghĩa mở đường cho văn xuôi hiện đại Việt Nam. Một nghiên cứu đăng trên tạp chí Vietnam Social Sciences cho thấy truyện ngắn quốc ngữ Nam Bộ khởi phát trong bối cảnh chuyển đổi từ truyện kể dân gian sang truyện ngắn nghệ thuật hiện đại, phản ánh sinh động đời sống

thực tế và đạo lý xã hội của vùng. Điều đó cho thấy ngay từ giai đoạn đầu, văn học Nam Bộ đã không tồn tại như ngoại biên văn hóa, mà như một trung tâm thử nghiệm quan trọng của hiện đại tính văn học Việt Nam. Đây là tiền đề quan trọng để hiểu vì sao văn học Nam Bộ không chỉ “có sắc thái địa phương”, mà có năng lực tham gia vào việc định nghĩa vùng.

Cần nhấn mạnh thêm rằng bản sắc vùng không phải một thực thể bất biến. Nó là kết quả của quá trình kể lại, chọn lọc, nhấn mạnh và chuẩn hóa các giá trị được xem là tiêu biểu. Vì vậy, bản sắc vùng luôn được kiến tạo qua diễn ngôn. Văn học Nam Bộ chính là một trong những diễn ngôn mạnh nhất của vùng, bởi nó kết hợp được ba khả năng: ghi nhớ lịch sử, tạo hình tượng điển hình và chuyên hóa trải nghiệm sống thành giá trị thẩm mỹ. Một khi trải nghiệm vùng được thẩm mỹ hóa, nó có khả năng sống lâu hơn, lan xa hơn và có tính thuyết phục hơn đối với cộng đồng.

Từ đó, có thể xem văn học Nam Bộ là diễn ngôn chính trị mềm ở ít nhất ba cấp độ. Một là cấp độ không gian, khi văn học góp phần hợp thức hóa Nam Bộ như một vùng có ký ức và chính danh văn hóa riêng trong chính thể quốc gia. Hai là cấp độ cộng đồng, khi văn học mô hình hóa kiểu người Nam Bộ qua những phẩm chất lặp đi lặp lại như nghĩa tình, bộc trực, hào sảng, linh hoạt, trọng thực tế. Ba là cấp độ ký ức, khi văn học giữ lại những lớp kinh nghiệm mở đất, cộng cư, kháng cự, sinh tồn và hiện đại hóa để chuyên thành vốn biểu tượng của vùng. Đây chính là chỗ văn học tác động mềm nhưng sâu vào bản sắc.

2.2. Văn học Nam Bộ như diễn ngôn của mở cõi và hợp thức hóa không gian phương Nam

Một trong những lớp diễn ngôn nền tảng nhất của văn học Nam Bộ là diễn ngôn mở cõi. Nam Bộ trong văn học không chỉ hiện ra như một miền đất mới theo nghĩa địa lý, mà như một không gian được chinh phục, thuần hóa, cộng cư và làm cho có nghĩa. Từ văn học dân gian đến văn xuôi hiện đại, phương Nam hiện lên với rừng, sông, ruộng, chợ, bến, kinh, rạch, miệt vườn, biển đảo, đồng bưng và xóm ấp. Những hình ảnh ấy không đơn thuần là cảnh quan, mà là cấu trúc biểu tượng của một quá trình lịch sử.

Trong lịch sử hình thành văn hóa vùng, Nam Bộ là không gian giao thoa, tiếp biến và cộng cư mạnh. Chính vì thế, việc văn học liên tục kể lại câu chuyện mở đất có ý nghĩa như một hành vi hợp thức hóa không gian. Nói cách khác, văn học

đã biến một không gian “mới” thành một không gian “thuộc về”. Điều này có giá trị chính trị mềm rất rõ: nó làm cho cộng đồng cảm thấy nơi chốn ấy có ký ức, có căn cước và có quyền được gọi tên trong trí nhớ dân tộc.

Ở bình diện hình tượng, văn học Nam Bộ thường xây dựng đất phương Nam như miền của thách thức nhưng cũng là miền của khả năng. Rừng phương Nam trong nhiều tác phẩm không chỉ là thiên nhiên hoang dã, mà là trường thử lửa của bản lĩnh con người. Sông nước Nam Bộ không chỉ là điều kiện sinh thái, mà là môi trường sản sinh lối sống mở, linh hoạt và nghĩa tình. Những chợ nổi, bến nước, ruộng vườn, xóm rạch không chỉ là phong nền, mà là thiết chế đời sống nơi cộng đồng học cách sống chung, trao đổi, cứu mạng và chống chọi với bất định.

Tác phẩm Đất rừng phương Nam của Đoàn Giỏi là một ví dụ tiêu biểu cho cơ chế kiến tạo này. Dù thường được đọc như tiểu thuyết thiếu nhi hay tiểu thuyết phiêu lưu, tác phẩm còn làm nhiều hơn thế: nó kể lại phương Nam như một không gian của ký ức dân tộc, nơi thiên nhiên, lịch sử và con người gắn bó trong một cấu trúc sinh tồn và kháng cự. Thông tin xuất bản hiện nay cho thấy tác phẩm vẫn tiếp tục được tái bản và lưu hành rộng rãi, chứng tỏ sức sống biểu tượng lâu dài của nó trong ký ức văn hóa Việt Nam. Sức sống ấy không chỉ đến từ cốt truyện hấp dẫn, mà vì tác phẩm đã biến phương Nam thành một biểu tượng vừa gần gũi, vừa hùng tráng, vừa dân dã, vừa giàu ý nghĩa cộng đồng.

Cần thấy rằng quá trình hợp thức hóa không gian qua văn học không diễn ra bằng cách xóa đi đa dạng nội tại của Nam Bộ. Ngược lại, chính sự đa dạng về tộc người, sinh kế, tín ngưỡng và lối sống lại làm nên độ mở của văn học Nam Bộ. Ở đây, phương Nam không phải một bản sắc khép kín, mà là một bản sắc được hình thành từ tiếp xúc, di chuyển và thích nghi. Điều này khiến diễn ngôn mở cõi của văn học Nam Bộ không mang nghĩa độc chiếm, mà mang nghĩa làm cho vùng đất trở thành nơi cùng tồn tại. Chính sắc thái này làm cho văn học Nam Bộ có giá trị chính trị mềm đặc biệt: nó hợp thức hóa không gian bằng cộng cư, không phải bằng loại trừ.

2.3. Văn học Nam Bộ như diễn ngôn cộng đồng và đạo lý phương Nam

Nếu diễn ngôn mở cõi giúp hợp thức hóa không gian, thì diễn ngôn cộng đồng giúp chuẩn hóa kiểu người và đạo lý vùng. Đây là lớp sâu

nhất của vai trò kiến tạo bản sắc. Bởi một vùng đất chỉ trở thành “vùng văn hóa” khi nó không chỉ có cảnh quan riêng, mà còn được nhận diện qua một cấu trúc phẩm chất người và một hệ đạo lý ứng xử tương đối ổn định.

Văn học Nam Bộ từ lâu đã góp phần tạo ra hình tượng “người Nam Bộ” như một hình tượng văn hóa. Đó là con người bộc trực, trọng nghĩa, hào sảng, thực tế, ít câu nệ, dễ kết giao nhưng cũng giàu bản lĩnh. Tất nhiên, đây không phải bản chất bất biến của mọi cá nhân sống ở Nam Bộ. Nó là một hình tượng điển hình hóa được văn học lặp lại, chọn lọc và thẩm mỹ hóa qua nhiều thế hệ tác giả. Nhưng chính sự điển hình hóa ấy lại có sức mạnh kiến tạo rất lớn, vì nó tạo ra một khung tự nhận diện cho cộng đồng.

Điểm đáng chú ý là kiểu người Nam Bộ trong văn học thường được xác lập không phải qua các tuyên ngôn đạo đức trừu tượng, mà qua tình huống sống. Một người cứu bạn giữa dòng nước xiết, một người chia cơm sẻ áo trong mùa giáp hạt, một người dám chống cường quyền để giữ lẽ phải, một người phụ nữ tần tảo mà quyết liệt, một đứa trẻ lớn lên giữa bất trắc nhưng không đánh mất lòng tin. Chính các tình huống ấy đã chuyển đạo lý thành kinh nghiệm cảm xúc. Đạo lý phương Nam vì vậy không phải đạo lý giáo điều, mà là đạo lý được thử thách trong đời sống.

Trong văn học dân gian Nam Bộ, điều này hiện lên qua các truyện kể, diễn xướng, tuồng tích và loại hình sân khấu dân gian. Sự phong phú của văn học dân gian Nam Bộ, được tiếp tục sưu tầm và hệ thống hóa trong các công trình tổng tập hiện nay, cho thấy vùng đất này có một vốn tự sự cộng đồng rất mạnh. Vốn tự sự ấy giúp cộng đồng kể về nguồn gốc, luật tục ứng xử, bài học sống và mẫu hình nhân cách. Từ góc độ diễn ngôn chính trị mềm, đây là nền móng rất quan trọng, bởi cộng đồng nào kể được mình thì cộng đồng ấy giữ được tính liên tục tinh thần.

Sang văn học hiện đại, đặc biệt trong văn xuôi Nam Bộ thế kỷ XX và đương đại, diễn ngôn cộng đồng tiếp tục được làm giàu bằng các biến thể mới. Không chỉ còn là cộng đồng làng xóm hay xóm rạch, nó mở rộng sang cộng đồng ký ức, cộng đồng lưu dân, cộng đồng của những người ở rìa trung tâm, cộng đồng của những thân phận chịu sức ép hiện đại hóa nhưng vẫn níu giữ lẽ sống riêng. Ở đây, văn học Nam Bộ vừa bảo tồn đạo lý cũ, vừa tranh luận với chính nó. Nghĩa là nó không chỉ ca ngợi cộng đồng, mà còn cho thấy

cộng đồng bị thử thách ra sao bởi thị trường, đô thị hóa, di cư, biến đổi sinh thái và những đứt gãy quan hệ người - người.

Chính nhờ khả năng vừa khẳng định vừa tự phản tư đó, văn học Nam Bộ tránh được việc trở thành diễn ngôn bản sắc đơn giản. Nó không đóng khung phương Nam như một thiên đường hào sảng bất biến, mà cho thấy bản sắc chỉ thực sự sống khi đi qua khủng hoảng và tái thích nghi. Đây là phẩm chất rất đáng chú ý của một diễn ngôn chính trị mềm trường thành: không chỉ tạo đồng thuận, mà còn giữ khả năng tự vấn để cộng đồng không bị đông cứng trong huyền thoại về chính mình.

2.4. Văn học Nam Bộ như diễn ngôn ký ức, bản lĩnh và tính chủ thể vùng

Một vùng văn hóa không thể có bản sắc bền nếu thiếu ký ức. Ký ức ở đây không chỉ là việc nhớ lại quá khứ, mà là cơ chế chọn lọc quá khứ để làm nền cho hiện tại. Văn học Nam Bộ tham gia vào tiến trình này bằng cách lưu giữ những lớp ký ức mở đất, ký ức cộng cư, ký ức chiến tranh, ký ức sông nước, ký ức đô thị và ký ức mất mát. Chính các lớp ký ức đó tạo nên chiều sâu tinh thần của phương Nam.

Điều quan trọng là ký ức trong văn học không bao giờ hoàn toàn trung tính. Nó luôn là một cách sắp xếp quá khứ để trả lời câu hỏi hiện tại: chúng ta là ai. Khi văn học Nam Bộ kể về một miền đất từng hoang vu rồi được làm nên bằng mồ hôi, xương máu và nghĩa tình, nó không chỉ tái hiện lịch sử mà còn trao cho cộng đồng một cảm thức chính đáng về sự hiện diện của mình. Khi văn học kể về sự kháng cự, chịu đựng, vượt lên của con người Nam Bộ, nó không chỉ ghi nhận biến cố mà còn trao cho vùng một bản lĩnh biểu tượng. Bản lĩnh ấy chính là chất liệu của tính chủ thể vùng.

Tính chủ thể vùng ở đây không đối lập với bản sắc quốc gia. Ngược lại, nó làm giàu cho quốc gia bằng cách cho thấy trong tính thống nhất của Việt Nam luôn có những trung tâm trải nghiệm khác nhau. Văn kiện Đại hội XIII đặt vấn đề xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong mối liên hệ giữa thống nhất và đa dạng văn hóa. Chính trong logic đó, văn học Nam Bộ có thể được nhìn như một bộ phận quan trọng của “đa dạng thống nhất”: càng làm rõ chất riêng phương Nam, nó càng đóng góp vào sức phong phú của bản sắc Việt Nam.

Từ góc độ hiện đại hóa, văn học Nam Bộ còn làm một việc rất quan trọng: giúp vùng này không

bị hiểu như chỉ là ngoại vi nông nghiệp hay sông nước, mà như một chủ thể tham gia vào hiện đại tính Việt Nam. Bài viết về truyện ngắn quốc ngữ Nam Bộ đã cho thấy Nam Bộ là một trong những không gian sớm của văn xuôi quốc ngữ hiện đại. Điều này có ý nghĩa lớn về mặt lịch sử văn học và lịch sử văn hóa: phương Nam không chỉ là nơi giữ lại “cái dân dã”, mà còn là nơi tiên phong trong một số chuyển động hiện đại hóa biểu đạt. Khi đọc văn học Nam Bộ từ điểm nhìn này, ta nhận ra nó không chỉ bảo tồn truyền thống vùng, mà còn chứng minh năng lực sáng tạo và tự hiện đại hóa của vùng.

Vì vậy, văn học Nam Bộ như một diễn ngôn chính trị mềm không chỉ làm công việc “giữ hồn phương Nam”. Nó còn làm công việc lớn hơn: trao cho phương Nam tư cách chủ thể trong trí nhớ văn hóa quốc gia. Chủ thể ấy không cần khẳng định mình bằng đối kháng, mà bằng chiều sâu ký ức, bằng sức sống biểu tượng, bằng khả năng tự kể và tự làm mới chính mình qua văn học.

2.5. Ý nghĩa hiện thời của việc đọc lại văn học Nam Bộ từ góc nhìn diễn ngôn chính trị mềm

Đọc lại văn học Nam Bộ hôm nay từ góc nhìn này có ít nhất ba ý nghĩa thực tiễn.

Thứ nhất, nó giúp vượt qua lối nhìn giản lược coi văn học Nam Bộ chỉ là “địa phương chí bằng nghệ thuật”. Khi đó, văn học vùng dễ bị thu hẹp vào việc mô tả cảnh sắc, phong tục và ngôn ngữ địa phương. Trong khi thực ra, giá trị lớn hơn của văn học Nam Bộ nằm ở chỗ nó sản xuất một hình dung tập thể về phương Nam, và thông qua đó góp phần tổ chức cảm thức cộng đồng. Đọc như vậy sẽ giúp văn học Nam Bộ trở về đúng vị trí của nó trong lịch sử văn hóa Việt Nam.

Thứ hai, cách đọc này mở ra khả năng vận dụng văn học Nam Bộ trong giáo dục bản sắc vùng và bản sắc quốc gia. Bộ Giáo dục và Đào tạo nhiều lần nhấn mạnh vai trò của văn hóa học đường, văn hóa ứng xử và giáo dục con người toàn diện trong nhà trường. Nếu văn học Nam Bộ được đưa vào dạy học không chỉ như “tác phẩm văn chương”, mà như không gian để học sinh, sinh viên đọc hiểu lịch sử vùng, đạo lý cộng đồng và cách một vùng đất tự kiến tạo bản sắc, hiệu quả giáo dục sẽ sâu hơn nhiều. Đây không phải địa phương hóa chương trình một cách hẹp, mà là làm giàu giáo dục quốc gia bằng vốn sống vùng.

Thứ ba, trong bối cảnh phát triển văn hóa như nguồn lực nội sinh, văn học Nam Bộ có thể được xem là một nguồn lực mềm cho phát triển vùng.

Các định hướng chính sách văn hóa gần đây nhấn mạnh văn hóa là động lực, là sức mạnh mềm, là nguồn lực phát triển trong kỷ nguyên mới. Điều đó có nghĩa các địa phương không nên chỉ đầu tư cho hạ tầng vật chất, mà còn phải đầu tư cho hạ tầng ký ức và biểu tượng. Văn học Nam Bộ chính là một dạng hạ tầng như vậy: nó giúp vùng giữ được độ sâu văn hóa giữa chuyển động nhanh của hiện đại hóa và số hóa.

III. KẾT LUẬN

Văn học Nam Bộ, nhìn từ góc độ liên ngành, không chỉ là một bộ phận của lịch sử văn học Việt Nam hay một kho tàng phản ánh hiện thực phương Nam. Ở tầng sâu hơn, nó là một diễn ngôn chính trị mềm có khả năng kiến tạo bản sắc vùng thông qua việc hợp thức hóa không gian, chuẩn hóa hình tượng cộng đồng và tổ chức ký ức tập thể. Sức mạnh của văn học ở đây không nằm ở mệnh lệnh trực tiếp, mà ở việc làm cho cộng đồng cảm thấy mình có câu chuyện riêng, có giá trị riêng, có giọng nói riêng và có tư cách hiện diện trong chính thể quốc gia.

Chính vì vậy, nghiên cứu văn học Nam Bộ cần đi xa hơn lối mô tả phong vị địa phương. Cần thấy rằng mỗi hình tượng sông nước, mỗi mô típ mồ đất, mỗi nhân vật hào sảng, mỗi lớp ký ức chiến tranh hay cộng cư trong văn học Nam Bộ đều tham gia vào việc kiến tạo một cảm thức chính đáng về phương Nam. Đó là cảm thức cho phép vùng đất này không chỉ tồn tại trên bản đồ hành chính, mà sống trong ký ức biểu tượng của dân tộc.

Từ cách nhìn đó, có thể khẳng định văn học Nam Bộ là một thành tố quan trọng của sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam. Nó góp phần làm phong phú tính đa dạng thống nhất của bản sắc quốc gia, đồng thời mở ra nguồn lực cho giáo dục, cho nghiên cứu vùng và cho phát triển văn hóa trong bối cảnh hiện nay. Nói cách khác, đọc văn học Nam Bộ như một diễn ngôn chính trị mềm không phải là gán ghép văn học với chính trị, mà là trả lại cho văn học đúng vai trò của nó trong đời sống cộng đồng: vai trò kiến tạo, lưu giữ và truyền dẫn những hình dung nền tảng về con người, vùng đất và ý nghĩa chung của cùng một cộng đồng lịch sử.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Deville, V. N. (2017). *Short stories in romanised national language script in Southern Vietnam in the late nineteenth and early twentieth centuries*. *Vietnam Social Sciences*, 5, 53-64.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (Tập 1)*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
- Đoàn Giới. (Nhiều lần tái bản). *Đất rừng phương Nam*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh. Thông tin tái bản và lưu hành hiện hành xem trên trang nhà xuất bản.
- Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật. (2021). *Tài liệu học tập các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*. Hà Nội.
- Tạp chí Cộng sản. (2026). *Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam trong kỷ nguyên mới: Từ chính sách đến thực tiễn*.
- Thư viện số Quốc hội Việt Nam. (2020). *Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa ở Việt Nam*. Hà Nội.